

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2015/TT-BQP

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2015

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số:.....S.....
	Ngày: 26/01.....

THÔNG TƯ

**Quy định tiêu chuẩn trang bị nhà ăn, nhà bếp, dụng cụ cấp dưỡng;
định mức sử dụng điện năng tại các kho, khu kỹ thuật; tiêu chuẩn,
trang bị máy phát điện đối với các đơn vị, tổ chức thuộc
lực lượng cơ yếu và doanh cụ trong phòng làm việc cơ yếu**

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật cơ yếu về chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư Quy định tiêu chuẩn trang bị nhà ăn, nhà bếp, dụng cụ cấp dưỡng; định mức sử dụng điện năng tại các kho, khu kỹ thuật; tiêu chuẩn, trang bị máy phát điện đối với các đơn vị, tổ chức thuộc lực lượng cơ yếu và doanh cụ trong phòng làm việc cơ yếu.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tiêu chuẩn trang bị nhà ăn, nhà bếp, dụng cụ cấp dưỡng; định mức sử dụng điện năng tại các kho, khu kỹ thuật; tiêu chuẩn, trang bị máy phát điện đối với các đơn vị, tổ chức thuộc lực lượng cơ yếu và doanh cụ trong phòng làm việc cơ yếu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với người làm công tác cơ yếu không phải là quân nhân, Công an nhân dân hưởng lương theo bảng lương cấp hàm cơ yếu và bảng lương chuyên môn kỹ thuật cơ yếu; cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Người làm công tác cơ yếu là quân nhân, Công an nhân dân được thực hiện trang bị doanh cụ trong phòng làm việc cơ yếu theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Đơn vị, tổ chức thuộc lực lượng cơ yếu là đơn vị, tổ chức có sử dụng cơ yếu được thành lập theo quy định của pháp luật về cơ yếu.
- Phòng làm việc cơ yếu là phòng làm việc chuyên ngành về cơ yếu.

Điều 4. Nguyên tắc bảo đảm

1. Bảo đảm đáp ứng các nhu cầu cho sinh hoạt thường xuyên, huấn luyện, dã ngoại và sẵn sàng chiến đấu.
2. Bảo đảm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng cơ yếu, điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng ngân sách nhà nước trong từng giai đoạn.
3. Phù hợp với sự phát triển chung và đặc trưng của từng vùng, miền, từng đối tượng cụ thể.
4. Sử dụng tiết kiệm, hợp lý trong việc bảo đảm tiêu chuẩn doanh cụ và sử dụng điện năng đối với người làm công tác cơ yếu.

Điều 5. Phương thức bảo đảm

Tiêu chuẩn, định mức quy định tại Thông tư này được bảo đảm bằng một trong các phương thức sau:

1. Bảo đảm bằng tiền.
2. Bảo đảm bằng hiện vật.

Điều 6. Kích thước, mẫu các loại doanh cụ trong phòng làm việc cơ yếu

Kích thước, mẫu các loại doanh cụ trong phòng làm việc cơ yếu và dụng cụ sinh hoạt thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng về thiết kế và định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm doanh cụ, dụng cụ sinh hoạt.

Điều 7. Tiêu chuẩn trang bị nhà ăn, nhà bếp và dụng cụ cấp dưỡng

Tiêu chuẩn trang bị nhà ăn, nhà bếp và dụng cụ cấp dưỡng của nhà ăn, nhà bếp đối với các đơn vị, tổ chức thuộc lực lượng cơ yếu thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Định mức sử dụng điện năng

Định mức sử dụng điện năng cho việc xuất, nhập, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa niêm cất trang thiết bị, tài liệu kỹ thuật nghiệp vụ mật mã và phương tiện, phụ tùng phương tiện giao thông tại các kho, khu kỹ thuật được thực hiện như sau:

1. Định mức sử dụng điện năng cho việc xuất, nhập, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa niêm cất trang thiết bị, tài liệu kỹ thuật nghiệp vụ mật mã (sau đây gọi chung là công tác kho tàng) là mức điện năng (số KWh điện) quy định sử dụng trong một tháng cho một đơn vị khối lượng hàng hóa trong kho hoặc trạm để thực hiện các công tác theo nhiệm vụ được giao tại các cơ sở kho tàng, bao gồm:

a) Điện năng sử dụng cho các thiết bị tiêu thụ điện để thực hiện công tác xuất, nhập, vận chuyển, kiểm tra, bảo quản, bảo dưỡng các loại vật tư, thiết bị, hàng hóa, sản phẩm mật mã trong các kho tàng của các đơn vị, tổ chức thuộc lực lượng cơ yếu;

b) Điện năng sử dụng cho chiếu sáng phục vụ làm việc trong kho, bảo vệ khu vực kho.

2. Định mức sử dụng điện năng cho phương tiện, phụ tùng phương tiện giao thông tại các kho, khu kỹ thuật (sau đây gọi chung là công tác kỹ thuật) là mức điện năng (số KWh điện) quy định sử dụng trong một tháng cho các đơn vị, tổ chức thuộc lực lượng cơ yếu để thực hiện công tác bảo đảm kỹ thuật phục vụ sử dụng, huấn luyện kỹ thuật và công tác chuyên môn nghiệp vụ cơ yếu, bao gồm:

a) Điện năng sử dụng cho việc kiểm tra, kiểm định, chạy thử trang bị kỹ thuật mật mã để bảo đảm cho công tác chuyên môn và huấn luyện kỹ thuật tại khu kỹ thuật của các đơn vị, tổ chức thuộc lực lượng cơ yếu;

b) Điện năng sử dụng cho việc xuất, nhập, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa, niêm cất trang thiết bị kỹ thuật mật mã tại các cơ sở, trạm xưởng, kho tàng, khu kỹ thuật của các đơn vị, tổ chức thuộc lực lượng cơ yếu;

c) Điện năng sử dụng cho các trang bị hoạt động bảo đảm duy trì điều kiện môi trường cất giữ và bảo đảm một số trang thiết bị, vật tư hàng hóa trong kho (kho linh kiện, thiết bị điện tử, thiết bị quang học, hóa chất...); duy trì điều kiện môi trường cho phòng kiểm chuẩn đo lường chất lượng, phòng kiểm tra thiết bị đo;

d) Điện năng sử dụng cho chiếu sáng bảo vệ khu vực trạm xưởng, khu kỹ thuật.

Điều 9. Tiêu chuẩn, trang bị máy phát điện cho các đơn vị, tổ chức thuộc lực lượng cơ yếu

Đơn vị, tổ chức thuộc lực lượng cơ yếu đóng trên biển, đảo, đồn biên phòng hoặc trên địa bàn khác mà chưa có nguồn điện từ lưới điện quốc gia, được trang bị máy phát điện có công suất đáp ứng yêu cầu chiếu sáng và phù hợp với quân số biên chế của từng đơn vị để bảo đảm định mức sử dụng điện năng quy định tại Danh mục số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật cơ yếu về chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu. Giờ máy phát điện tối thiểu là 6 giờ/ngày.

Điều 10. Kinh phí bảo đảm

Kinh phí thực hiện tiêu chuẩn trang bị đối với người làm công tác cơ yếu quy định tại Thông tư này do ngân sách nhà nước bảo đảm. Hàng năm, cơ quan, đơn vị có sử dụng người làm công tác cơ yếu xây dựng dự toán kinh phí thực hiện trong dự toán ngân sách gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện và giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này.

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 3 năm 2015

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về Bộ Quốc phòng (qua Ban Cơ yếu Chính phủ) để xem xét, phối hợp giải quyết. / *sm*

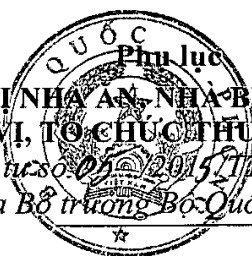
Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Thủ trưởng BQP, Chủ nhiệm TCCT;
- Tỉnh ủy, thành ủy, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật/Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Vụ Pháp chế BQP;
- Cổng TTĐT Bộ Quốc phòng;
- Lưu: VT, PTHBĐ; Trg250.



BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Phùng Quang Thanh



**TIÊU CHUẨN TRANG BỊ NHÀ AN-NHÀ BẾP VÀ DỤNG CỤ CẤP DƯỠNG
ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC THUỘC LỰC LƯỢNG CƠ YẾU**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BQP ngày 16 tháng 01 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

STT	Mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn (năm)
A	Dụng cụ nấu (tính theo bếp)			
1	Chảo gang đường kính 100 cm	Cái	2	1
2	Vung chảo inox đường kính 100 cm	Cái	2	5
3	Nồi nhôm đáy cong đường kính 60 cm + vung	Cái	2	4
4	Nồi inox đường kính 50 cm + vung	Cái	2	5
5	Nồi nhôm 20 đường kính 40 cm + vung	Cái	4	4
6	Chảo nhôm dập đường kính 50 cm	Cái	3	4
7	Nồi cơm ga	Cái	2	5
8	Bếp ga công nghiệp + bình	Cái	1	5
9	Tủ cơm ga + bình	Cái	1	5
10	Bếp đun than (lò hơi)	Cái	1	3
B	Dụng cụ chia/mâm (6 người/mâm)			
1	Đĩa sứ đường kính 20 cm	Cái	6	2
2	Bát sứ đường kính 18 cm	Cái	12	2
3	Bát sứ ăn cơm	Cái	12	2
4	Thìa con inox	Cái	6	7
5	Ống đũa, thìa, tăm inox	Cái	1	7
6	Lọ đựng dấm ớt	Cái	1	2
7	Lọ đựng nước mắm	Cái	1	2
8	Đũa tre	Đôi	6	1
9	Bàn ăn tròn (chữ nhật) mặt inox	Cái	1	7
10	Ghế tựa inox	Cái	6	7
11	Lồng bàn nhựa	Cái	1	3
C	Dụng cụ dùng chung và trang bị cấp dưỡng (tính theo bếp)			
1	Chậu nhôm đường kính 60 cm	Cái	6	4
2	Gáo nhôm múc nước	Cái	2	4

3	Muôi nhôm nhà bếp	Cái	3	4
4	Muôi inox mức nước mắm	Cái	3	7
5	Muôi đảo cơm	Cái	2	5
6	Muôi inox rán	Cái	2	5
7	Vợt inox vớt rau	Cái	2	5
8	Cân treo 50 - 100 kg	Cái	2	4
9	Cân đồng hồ 60 - 100 kg	Cái	2	4
10	Giá inox để dụng cụ cấp dưỡng	Cái	2	7
11	Giá inox để dụng cụ nấu	Cái	1	7
12	Bình đựng nước nóng, lạnh	Cái	2	4
13	Xe tiếp phẩm	Cái	1	7
14	Xe đẩy thức ăn inox 1 sàn	Cái	2	7
15	Xe sơ chế thực phẩm	Cái	1	7
16	Tủ lạnh	Cái	1	7
17	Tủ bảo quản thực phẩm	Cái	1	7
18	Tủ inox để bát đĩa	Cái	1	7
19	Bàn pha thái thực phẩm mặt inox	Cái	2	7
20	Máy bơm nước	Cái	1	5
21	Máy thái thịt	Cái	1	4
22	Máy thái củ, quả	Cái	1	4
23	Máy xay thịt	Cái	1	4
24	Quạt điện lò bếp	Cái	2	2
25	Hòm tôn đựng gạo	Cái	1	7
26	Bảng biểu các loại	Cái	7	5
27	Tranh ảnh trang trí	Cái	5	3
28	Vại muối dưa 30 - 50 lít	Cái	5	2
D	Tạp chi cấp dưỡng (tính theo bếp)			
1	Bộ dao cấp dưỡng	Bộ	3	1
2	Thớt gỗ	Cái	4	1
3	Thớt nhựa	Cái	1	1
4	Rổ nhôm đường kính 60 cm	Cái	6	2
5	Rá nhôm đường kính 60 cm	Cái	6	2
6	Cối đá	Cái	1	5
7	Chày gỗ	Cái	1	1